

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 30 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản
Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 157/2009/NQ-HĐND ngày 15/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3225/STC-GCS ngày 30/12/2009;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010 và thay thế Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 28/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản Nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Minh Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 92/2009/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thẩm quyền trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và chế độ báo cáo, công khai, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài sản Nhà nước của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt Chủ tịch UBND tỉnh); Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành cấp tỉnh); Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi tắt Chủ tịch UBND cấp huyện); Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và trực thuộc UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Chủ tịch UBND cấp xã) thuộc phạm vi quản lý tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước không nêu trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03/6/2008; Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03/6/2008.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

Điều 3. Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo quy định Quyết định này. Riêng việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản Nhà nước của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện bằng nguồn kinh phí của các tổ chức này.

2. Đối với tài sản Nhà nước đã có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tài sản quy định tại khoản 2 Điều 36 và khoản 3 Điều 37 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03/6/2008 thì thuộc quyền sở hữu của tổ chức đó; việc quản lý, sử dụng tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và điều lệ của tổ chức.

Chương II

ĐẦU TƯ, MUA SẮM, THUÊ, THU HỒI, ĐIỀU CHUYỂN, BÁN, THANH LÝ, TIÊU HỦY TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc

1. Nhà nước giao ngân sách cho cơ quan trực tiếp sử dụng trụ sở làm việc thực hiện đầu tư xây dựng.

2. Việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản Nhà nước

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

a) Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là nhà đất).

b) Xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng, phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy (sau đây gọi tắt là phương tiện vận tải).

c) Tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có giá trị mua sắm hoặc gói mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có giá trị mua sắm hoặc gói mua sắm từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi quản lý, căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định và dự toán ngân sách được

giao quyết định mua sắm các loại tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có giá trị mua sắm hoặc gói mua sắm dưới 200 triệu đồng.

4. Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trong phạm vi quản lý, căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định và dự toán ngân sách được giao quyết định mua sắm các loại tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có giá trị mua sắm hoặc gói mua sắm dưới 50 triệu đồng.

5. Việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa từ ngân sách Nhà nước.

Điều 6. Thẩm quyền bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản Nhà nước

1. Các trường hợp bán tài sản Nhà nước

a) Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác mà không xử lý theo phương thức thu hồi hoặc điều chuyển tài sản.

b) Việc sử dụng tài sản Nhà nước không có hiệu quả, bao gồm:

- Hiệu suất sử dụng tài sản thấp (trừ tài sản chuyên dùng);
- Cơ quan Nhà nước đã được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên.

c) Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

d) Phải thay thế tài sản do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Các trường hợp thanh lý tài sản Nhà nước

a) Đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng.

b) Bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.

c) Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu hủy tài sản Nhà nước

a) Tiêu hủy tài sản Nhà nước là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định xóa bỏ sự tồn tại của tài sản Nhà nước.

b) Tài sản Nhà nước bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

4. Thẩm quyền bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản Nhà nước

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

- Tài sản là nhà đất, phương tiện vận tải.

- Tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi quản lý, quyết định đối với tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng.

d) Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trong phạm vi quản lý quyết định tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng.

5. Phương thức, trình tự thủ tục bán, thanh lý tài sản Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 20, 21, 22, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 31 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Điều 7. Thẩm quyền thu hồi tài sản Nhà nước

1. Các trường hợp thu hồi tài sản Nhà nước

a) Tài sản Nhà nước là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất bị bỏ trống hoặc không sử dụng quá 12 tháng; quyền sử dụng đất được giao để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mà tiến độ sử dụng đất bị chậm phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư, xây dựng.

b) Tài sản Nhà nước đã trang bị cho các cơ quan Nhà nước, cá nhân không đúng tiêu chuẩn, định mức; tài sản Nhà nước bị sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ, cho thuê hoặc sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác.

c) Tài sản Nhà nước đã trang bị cho cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng mà cơ quan đó không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác nhưng cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản không đề nghị điều chuyển hoặc bán tài sản.

d) Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.

đ) Các trường hợp cần thiết khác theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản Nhà nước

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính
- Tài sản là nhà đất, phương tiện vận tải.

- Tài sản khác (trừ nhà đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên.

Ngoài ra, trong trường hợp phát hiện tài sản Nhà nước của cơ quan Nhà nước thuộc Trung ương quản lý đặt tại địa phương bị sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ do Nhà nước quy định, cho thuê hoặc thực hiện các hoạt động kinh doanh khác, Chủ tịch UBND tỉnh kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định thu hồi theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi

Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (trừ nhà đất, phương tiện vận tải).

c) Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi quản lý thu hồi tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng (trừ nhà đất, phương tiện vận tải).

3. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản Nhà nước thực hiện theo Điều 14, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Điều 8. Thẩm quyền điều chuyển tài sản Nhà nước

1. Các trường hợp điều chuyển tài sản Nhà nước

a) Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản Nhà nước do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Để mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn.

c) Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên.

d) Tài sản Nhà nước bị thu hồi; tài sản bị tịch thu hoặc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

đ) Các trường hợp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật

2. Thẩm quyền điều chuyển tài sản Nhà nước

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

- Tài sản là nhà đất, phương tiện vận tải.

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển

Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu (trừ nhà đất, phương tiện vận tải).

c) Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi quản lý, điều chuyển tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng (trừ nhà đất, phương tiện vận tải).

d) Việc điều chuyển tài sản Nhà nước chỉ được thực hiện giữa các cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản Nhà nước thực hiện theo Điều 17, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

- Thuê trụ sở làm việc cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

- Thuê xe ô tô các loại, thuê tài sản khác có mức giá thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định

- Thuê trụ sở làm việc cho cơ quan và đơn vị trực thuộc dưới 100 triệu đồng/năm.

- Thuê xe ô tô các loại, thuê tài sản khác có mức giá thuê dưới 100 triệu đồng/năm.

3. Các quy định về thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước thực hiện theo Điều 7, Điều 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Chương III **BÁO CÁO, CÔNG KHAI, THANH TRA, KIỂM TRA** **TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**

Điều 10. Báo cáo tài sản Nhà nước

1. Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thực hiện hạch toán và báo cáo đối với tất cả tài sản Nhà nước được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

2. Đối với các loại tài sản Nhà nước sau đây, cơ quan được giao quản lý, sử dụng báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và Sở Tài chính để quản lý thống nhất, tập trung trong phạm vi toàn tỉnh:

a) Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô các loại;

c) Tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/1 đơn vị tài sản.

3. Báo cáo tài sản Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo kê khai tài sản Nhà nước;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

4. Trường hợp cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản quy định tại khoản 2 Điều này không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó; người đứng đầu cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước bị xử lý theo quy định.

Điều 11. Báo cáo kê khai tài sản Nhà nước

1. Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này thực hiện báo cáo kê khai tài sản Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản Nhà nước hiện đang quản lý, sử dụng tại thời điểm 20/7/2009.

b) Có thay đổi về tài sản Nhà nước do đầu tư xây dựng; mua sắm mới; tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng; thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c) Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Thời hạn báo cáo kê khai tài sản Nhà nước:

a) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Điều 12. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước hàng năm quy định như sau:

a) Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên trực tiếp trước ngày 31 tháng 01;

b) Cơ quan cấp trên lập báo cáo gửi Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02;

c) UBND tỉnh lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3.

Điều 13. Công khai việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

1. Tài sản Nhà nước phải công khai việc quản lý, sử dụng gồm: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác.

2. Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thực hiện công khai việc mua sắm, đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thông qua các hình thức sau đây:

a) Công bố trong các kỳ họp thường niên của cơ quan;

b) Phát hành ấn phẩm;

c) Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan;

d) Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;

đ) Thông báo trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

e) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền.

3. Việc thực hiện cụ thể thời gian, nội dung, chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan Nhà nước theo quy định Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước được quy định như sau:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước của cơ quan Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có quyền yêu cầu các cơ quan, cá nhân được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán xuất trình các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước. Nếu phát hiện vi phạm, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 15. Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Căn cứ quy định hiện hành Sở Tài chính xác định và trình UBND tỉnh quyết định:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính);

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính).

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, bán, tiêu hủy, kiểm kê, hạch toán, báo cáo, công khai, thanh tra, kiểm tra tài sản Nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định này. Riêng tiền thu được từ bán tài sản Nhà nước (trừ quyền sử dụng đất) và thanh lý tài sản, đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính được sử dụng để bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các Điều từ 38 đến 51 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

4. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định giao tài sản Nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý sau khi Sở Tài chính chủ trì phối hợp cơ quan liên quan xác định giá trị tài sản Nhà nước để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

5. Giao Sở Tài chính tổ chức giao tài sản Nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Điều 16. Thẩm quyền mua sắm, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản Nhà nước, thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định mua sắm tài sản có giá trị mua sắm hoặc gói mua sắm dưới 500 triệu đồng (trừ nhà đất, phương tiện vận tải).

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản Nhà nước có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (trừ nhà đất, phương tiện vận tải).

3. Thuê tài sản phục vụ hoạt động thực hiện theo Điều 9 Quy định này. Kinh phí thuê tài sản Nhà nước do đơn vị bảo đảm.

4. Trình tự thủ tục mua sắm, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 47, 48 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Điều 17. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính dùng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý, sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương để liên doanh, liên kết.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính dùng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thực hiện theo Điều 42, 43, 44 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

Chương V **QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC** **ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC**

Điều 18. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ Nhà nước

a) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với tài sản của người bị kết án được thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự.

c) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với vật chứng vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Đối với tài sản khác

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với:

- Bất động sản trên địa bàn được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

- Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản;

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước do địa phương quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho địa phương.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các tổ chức thuộc địa phương quản lý.

Điều 19. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước

1. Thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản: Cơ quan đang quản lý hoặc được tạm giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản: Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phương án xử lý tài sản đối với các loại tài sản theo thẩm quyền nêu tại khoản 1, Điều 18 Quy định này.

Điều 20. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do Chủ tịch UBND cấp nào phê duyệt phương án xử lý thì nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước cấp đó, sau khi trừ đi chi phí hợp lý (nếu có) có liên quan.

2. Nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được sử dụng từ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản; trường hợp xử lý tài sản không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí, thì chi phí do ngân sách Nhà nước của cấp phê duyệt phương án chi trả; trường hợp tài sản điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước, thì chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do cơ quan, tổ chức được tiếp nhận tài sản chi trả.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc thì báo cáo về UBND tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Phúc